

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC KÝ

QUYỂN 3

(Nói về 8 nước)

- 1 - Nước Ô Trượng Na.
- 2 - Nước Bát Lộ La
- 3 - Nước Đất Xoa Thỉ La
- 4 - Nước Tăng Ha Bồ La
- 5 - Nước Ô Thí Thị
- 6 - Nước Ca Thấp Di La
- 7 - Nước Bán Nô Ta.
- 8 - Nước Át La Xà Bồ La.

1 - NƯỚC Ô TRƯỢNG NA

Nước Ô Trượng Na chu vi rộng hơn 5000 dặm, núi hang cùng thông thuộc, sông đầm liền nhau kéo dài. Lúa má tuy gieo trồng nhiều mà đất sinh lợi chẳng đơm đủ. Lắm nhiều cây bồ đào, hiếm ít cây cam giá. Đất đai sản sinh ra vàng, sắt, thích nghi giống cây uất kim hương. Cây rừng sẫm uất, hoa quả tươi tốt, lạnh nóng hòa sương, gió mưa điều thuận. Con người tánh chí mềm yếu, tục tình dối trá, ham thích học mà hiếm ít thành công, chuyên dùng cấm chủ làm nghề nghiệp. Phần nhiều vận mặc lông tơ sắc trắng, ít mặc các sắc phục khác. Nói năng tuy khác, nhưng phần lớn đồng với Ấn Độ, văn tự lẽ nghi hơi tương quan tham dự. Con người rất sùng trọng Phật pháp kính tin đại thừa. Cặp theo sông Tô bà phạt tốt đồ xưa trước có 1400 ngôi già lam, nay phần nhiều đều đã hoang tàn, xưa kia Tăng chúng có đến 1800 vị, đến nay dần giảm ít, mà đều tập học theo giáo pháp đại thừa, chuyên nghiệp hành trì tịch định, khéo giỏi đọc tụng bản văn ấy mà chưa nghiên cứu nghĩa lý sâu mầu, giới hạnh thanh khiết, đặc biệt thông rành về cấm chú. Luật nghi truyền dạy gồm có năm bộ: 01 là pháp mật bộ; 02 là Hóa địa bộ; 03 là Âm quang bộ; 04 là Thuyết nhất thiết hữu bộ và 05 là Đại chúng bộ. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Thành

quách kiên cố có 04 - 05 cái, vua nước đó phần nhiều thống trị ở thành Mãng yết ly, chu vi thành ấy rộng khoảng 16 - 17 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều.

Từ thành Mãng yết ly về hướng đông cách khoảng 4 - 5 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba rất lắm điềm linh. Là nơi xưa kia đức Phật làm tiên nhân nhục bị vua Yết Lợi (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đấu Tránh, xưa trước gọi là Kha Lợi tức là sai nhảm vậy) cắt xẻo chi phần thân thể.

Từ thành Mãng yết ly về hướng bắc cách khoảng 250 - 260 dặm vào trong núi lớn, đến nơi suối rồng A Ba La La, tức đầu nguồn của sông Tô Bà Phạt Tốt Đổ, mạch dòng theo về hướng tây nam, mùa xuân mùa hạ đều đóng băng, sớm tối đều có tuyết bay, tuyết bay lất phất có năm sắc, ánh sáng tỏa chiếu bốn phía. Rồng đó, vào thời đức Phật Ca Diếp Ba vốn sinh trong loài người tên là Khắc Kỳ rất thông giỏi về chú thuật, cấm ngăn chế ngự được rồng độc không cho tung hoành mưa bão, nhân dân nước ấy nhờ đó mà tích chứa lương thực được dư thừa, vua tôi dân chúng cảm ân mến đức nên mỗi nhà đóng một học thóc để dâng tặng đó đã nhiều năm. Bấy giờ có người trốn thuế khóa, Khắc Kỳ ôm giữ tức giận phất nguyện làm rồng độc bạo hành gió mưa làm tổn hại lúa má. Sau khi mạng chung sinh làm rồng ở ao đó, dòng suối biến thành nước bạc làm tổn hại vật lợi từ đất. Đến khi đức Thích-ca Như Lai với tâm đại bi xuất hiện nơi đời, xót thương dân chúng nước đó riêng gặp phải nạn ấy nên giáng thân đến đó muốn giáo hóa rồng độc, nên cầm nắm chày thần Kim cang đánh gõ vào sườn núi. vua rồng kinh sợ mới ra quy y, nghe đức Phật giảng kinh nói pháp, tâm thanh tịnh kính tin tỏ ngộ. Đức Như Lai bèn cấm chế chớ làm tổn hại lúa má của nông phu. Rồng thưa rằng: “Phàm sự ăn uống đều nhờ trâu ở ruộng lúa con người, nay nhờ nghe Thánh giáo, sợ khó cấp giúp cứu tế, nên xin cứ 12 năm trâu lấy lương thực một lần”. Đức Như Lai ngậm che thương xót mà hứa thuận đó, nên mãi đến nay cứ 12 năm có một lần gặp phải tai họa nước bạc.

Từ suối rồng A ba la la theo hướng tây nam cách hơn 30 dặm, trên bờ phía bắc dòng suối nước bạc có một tảng đá lớn trên mặt có dấu chân của đức Như Lai, tùy theo phước lực của mỗi người mà lưỡng đo có ngắn dài. Đó là nơi sau khi đức Như Lai đã nhiếp phục Rồng độc ấy rồi, lưu lại dấu vết mà đi. Về sau có người lên đó sắp chất đá làm thất, mọi người theo dòng suối đi xuống hơn 30 dặm đến nơi tảng đá xưa kia đức Như Lai tẩy giặt pháp y, đường văn của pháp y ca sa hiện rõ ràng

như khắc chạm vậy.

Từ thành Mãng yết ly theo hướng nam đi hơn 400 dặm đến núi Hê La, hang nước bắt nguồn từ phía tây chảy ngược dòng đến phía đông. Có lắm tạp hoa, trái lạ phủ cùng khe hang men theo sườn núi, đánh núi hiểm nguy, khe hang cuộn quanh, hoặc nghe có tiếng rầm rĩ, hoặc nghe tiếng âm nhạc vang vọng, có tảng đá vuông như chiếc giường, có vườn như do công sức người tạo thành, nối liền tương tục tiếp trải theo bờ sườn hang núi. Đó là nơi xưa kia đức Như Lai vì nghe pháp của nữ bà tụng (xưa trước gọi là Già Phạm tức là lược văn, hoặc nói là Kệ Tha là phạm âm; tức sai nhầm. Nay theo chánh âm nên gọi là Già Tha. Già Tha tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là tụng, một bài tụng gồm có 32 ngôn từ), mà xả bỏ thân mạng tại đó vậy.

Từ thành Mãng yết ly theo hướng nam đi hơn 200 dặm đến bên cạnh núi lớn, có ngôi già lam tên là Ma-ha phạt na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Lâm), là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát, làm vua hiệu là Tát phước đạt (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhất thiết trí) trốn lánh địch thù bỏ nước đến ngậm ẩn tại đó, gặp phải một vị Bà-la-môn nghèo khổ đến cầu xin, vì đã mất ngôi vị và cả nước nhà nên không còn gì để bố thí, bèn bảo vị Bà-la-môn ấy trói buộc lấy mình dẫn đưa đến cho vua giặc địch, mong được tưởng thưởng của cải trở làm làm huệ thí.

Từ già lam Ma-ha phạt na theo hướng tây bắc xuống núi đi khoảng 30 - 40 dặm, đến già lam Ma Thâu (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đậu). Tại đó có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước, bên cạnh đó trên tảng đá vuông lớn có dấu vết bàn chân của đức Như Lai, là nơi xưa kia đức Như Lai dẫm bước chân đến tảng đá đó tỏa phóng ánh sáng câu chi soi chiếu đến già lam Ma-ha phạt na vì các hàng người trời mà giảng nói về việc Bản sinh. Dưới nền ngôi Tốt-đổ-ba đó có một tảng đá, sắc đai vàng trắng, thường có thắm nhuộm, là nơi xưa kia đức Như Lai lúc tu hạnh Bồ-tát, vì nghe chánh pháp nên ở đó chẻ cốt xương ghi tả kinh điển.

Từ già lam Ma Thâu về hướng tây đi khoảng 60 - 70 dặm đến một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát đang làm vua hiệu là Tỳ Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường và xưa trước gọi là Thi Tỳ Ca tức là sai nhầm vậy) vì cầu Phật quả nên ở đó cắt thịt cân cấp cho chim ưng để thay chim cáp.

Từ nơi Thay chim cáp (Bồ câu) về hướng tây bắc đi hơn 20 dặm, vào sông Sang ni la xà, đến Tăng-già lam Bầu sát địa (tiếng Trung Hoa

thời tiền Đường gọi là Xà Dực) có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 80 thước. Là nơi xưa kia đức Như Lai lúc làm trời Đế Thích gặp phải năm đói kém dịch bệnh hoành hành, các thứ phương thuốc đều không công hiệu, nơi đường đi người chết tương tục, trời Đế Thích buồn thương nghĩ tìm phương cách để cứu giúp, mới biến thân hình làm một con trăn lớn vắt thân chết nơi hang men sông, và từ giữa không trung có tiếng rao báo khắp cùng. Mọi người nghe đều vui mừng cùng kéo nhau chạy đến, tùy theo cắt lóc, thịt lại nổi sinh, trị liệu được nạn đói kém và dịch bệnh. Bên cạnh đó không xa có ngôi Tốt-đổ-ba lớn tên là Tô Ma. Là nơi xưa kia đức Như Lai lúc làm trời Đế Thích, trong đời đang mắc nạn dịch bệnh, trời Đế Thích xót thương quần sinh nên tự biến thân mình làm rắn Tô Ma, phàm mọi người ăn thịt rắn đó, không ai chẳng lành mạnh.

Từ sông Sang ni la xà về hướng bắc bên cạnh sườn đá có một ngôi Tốt-đổ-ba. Những người bệnh đến đó cầu nguyện phần nhiều đều được lành mạnh. Xưa kia đức Như Lai làm vua chim Khổng Tước cùng cả đàn đến đó, bởi nóng khát bức bách tìm kiếm nước không được, chim khổng tước vua mới dùng mỏ mổ vào sườn núi, bỗng có dòng suối tuôn chảy đến đây bèn thành ao, mọi người dùng uống và tắm đều lành bệnh. Trên tảng đá còn có dấu chân chim khổng tước.

Từ thành Mãng yết ly theo hướng tây nam đi khoảng 60 - 70 dặm đến phía đông dòng sông lớn có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 60 thước do vua Thượng Quân tạo lập. Xưa kia, lúc đức Như Lai sắp tịch diệt, bảo cùng các đại chúng rằng: “Sau khi ta nhập Niết bàn, đối với vua Thượng Quân ở nước Ô Trượng Na, nên phân chia cho một phần xá lợi”. Và đến lúc các vua sắp muốn phân lường đều, vua Thượng Quân đến sau bèn sẽ có sự bàn nghị khinh bỉ, khi ấy đại chúng trời người tuyên bày lại lời đoái hoài ủy thác của đức Như Lai, vua Thượng Quân mới được dự đồng phần, nghinh thỉnh xá lợi Phật trở về nước kính lễ sùng phụng tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Bên cạnh bến bờ sông lớn có một tảng đá lớn tương trạng như con voi, xưa kia vua Thượng Quân dùng voi trắng lớn để chở thỉnh xá lợi đức Phật, về đến nơi đó, bỗng nhiên voi ngã té, nhân đó mà tự chết bèn biến thân hình thành đá. Và vua liền ngay bên cạnh đó tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba.

Từ thành Mãng yết ly theo hướng tây cách hơn 50 dặm, vượt qua sông lớn, đến ngôi Tốt-đổ-ba tên là Lô Hê Đát Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Xích) cao hơn 50 dặm, do vua Vô Ưu tạo lập. Là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát làm vị Đại Quốc vương hiệu là Từ Lực, ở đó chích lấy máu thân mình để bố thí cho năm Dực Xoa (xưa

trước gọi là Dạ Xoa tức sai nhầm vậy).

Từ thành Mãng yết ly theo hướng đông bắc cách hơn 30 dặm đến nơi ngôi Tốt-đổ-ba tên là Át bộ đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Kỳ Đặc) bằng đá cao hơn 40 thước, là nơi xưa kia đức Như Lai vì các hàng người trời giảng nói pháp mở dẫn tu đạo, sau khi đức Như Lai thị tịch, ngôi Tốt-đổ-ba đó từ đất nổi lên. Mọi người sùng kính dâng cúng hương hoa không ngưng dứt.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá đó theo hướng tây vượt qua dòng sông lớn cách khoảng 30 - 40 dặm đến một ngôi tinh xá. Trong đó có tôn tượng Bồ-tát A Phược Lô Chỉ Đế Thấp Phạt La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Quán Tự Tại tức hợp chữ liền tiếng. Theo Phạm ngữ như trên mà phân văn chia âm thì “A Phược Lô chỉ đế” dịch nghĩa là “Quán” và “Y thấp phạt la” dịch nghĩa là “Tự tại”. Theo các nhà phiên dịch xưa trước gọi là Quang Thế Âm, hay là Quán Thế Âm, hoặc là Quán Thế Tự Tại, đều là sai nhầm vậy), oai linh ngậm khắp, vết thân tỏ sáng, các hàng pháp tục cùng nhau tìm đến cúng dường không ngưng ngắt.

Từ tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại Tha theo hướng tây bắc cách khoảng 140 - 150 dặm, đến núi La Bột Lô. Trên đỉnh núi có ao Rộng, chu vi rộng hơn 30 dặm, sóng biếc tuôn trào, dòng trong ngời ánh kiếng soi. Xưa kia vua Tỳ Lô Thích-ca trước đánh chim các người giòng họ Thích. Có bốn người chống kháng quân lính, Tông Thân bèn tấn đuổi, mỗi tự phân bay. Có một người trong giòng họ Thích ấy đã ra khỏi đô thành của nước nhà, lặn lội nhọc mệt bèn dừng nghỉ giữa đường. Khi ấy có một con nhạn bay vượt qua trước, thế rồi dần thuần quen, nhân đó bèn cưỡi nường. Con nhạn đó bay lượn xuống bên cạnh ao đó. Người giòng họ Thích đó đi bằng đường không trung xa đến nước khác, mê mờ không biết đường sá, bèn gá ngủ dưới tàng cây. Khi ấy, thiếu nữ con của rồng ao đó rảo bước xét xem bờ nước, bỗng thấy người giòng họ Thích, sợ chẳng được đương đầu, bèn biến làm thân hình người mà xoa vỗ. Người giòng họ Thích ấy tỉnh giấc kinh sợ, nhân đó liền cảm tạ rằng: “Kẻ ở nhờ này thân người gây yếu, sao được thân gần vỗ về?”. Bèn thành thực ân cần lẩn bức hợp quê. Người nữ ấy nói: “Cha mẹ có dạy răn, an tâm vâng phụng không trái nghịch. Tuy được ân huệ đoái hoài, nhưng chưa thể vâng thừa cao mạng”. Người giòng họ Thích hỏi rằng: “Đây chốn núi hang mật mờ, vậy nhà của người ở đâu?”. Người nữ ấy đáp: “Tôi là con gái của Rộng ở ao này, kính nghe giòng họ Thánh giả lánh nạn lưu ly, may nhân rảo bước trông xem, dám ủy an tộ nhọc,

mạng có sum họp riêng, chưa nghe được ý chỉ tại đây, hướng hồ bởi chất chứa học phải nhận thọ thân rồng này, người vật khác đường, chẳng phải chỗ nghe vậy”. Người giòng họ Thích bảo rằng: “Một lời thấy đáng giữ tâm đến rốt cùng vậy”. Con gái rồng ấy nói rằng: “Kính vâng nghe mạng lệnh vậy. Chỉ chờ đi đến...”. Người giòng họ Thích mới phát thệ tâm nguyện rằng: “Phàm tôi có được bao nhiêu sức lực phước đức, khiến con gái rồng này khắp thân thể đều biến thành người”. Do phước lực cảm nên, con gái rồng bèn biến đổi thân hình. Khi đã được thân người bèn rất tự mừng vui, mới cảm tạ giòng họ Thích rằng: “Tôi tích chứa vận tai vạ, lưu chuyển trong đường ác, nay được rũ lòng đóai hoài nhờ phước lực gia hộ nên thân xấu tệ trong nhiều kiếp, một mai được cải đổi. Muốn báo ân đức này dầu nát như thân mình cũng chưa thể tạ hết. Tâm nguyện muốn gấp bội sự vâng đức Phật, sang còn bó buộc vật bàn nghị. Nguyện thừa cùng mẹ cha, sau đó hẳn đầy đủ lễ”. Con gái rồng trở về lại ao thừa trình cùng cha mẹ rằng: “Ngày nay rảo bước trông xem bỗng gặp một người giòng họ Thích, do phước lực cảm nên biến đổi thân hình con làm thành người. Tình còn hảo hợp, dám xin tỏ bày sự thật”. vua rồng trong tâm mừng kính loài người, tình lại quý trọng chủng tộc Thánh hiền, nên bèn theo sự thỉnh cầu của con gái, mới ra khỏi ao cảm tạ người giòng họ Thích rằng: “Chẳng để sót chẳng phải đồng loại, giáng hạ tôn quý xuống tới thấp hèn, kính mời đến phòng nhà chúng tôi, dám cung phụng quét tước”. Người giòng họ Thích trông thấy thân hình của rồng, trong tâm luôn sợ gồm, mới muốn từ tạ lui ra, vua Rồng ngăn cản nói rằng: “Mong chớ ngài xa nhà, gần đây có vườn nhà ở được, tôi sẽ khiến trấn vạch biên cương đất đai tôn xưng hiệu lớn, và gồm có bề tôi dân thứ chờ giúp kéo dài ở đời”. Người giòng họ Thích cảm tạ với vua Rồng rằng: “Lời ấy tôi chẳng mong cầu!”. vua Rồng bèn đem kiếm báu đặt để trong hộp, và dùng bông tơ sắc trắng xinh đẹp vi diệp che phủ lên trên, nói cùng người giòng họ Thích rằng: “Mong mang bông tơ này đến dâng cúng quốc vương, quốc vương hẳn lại gần nhận lấy vật triều cống của người từ xứ xa. Ngay khi đó có thể ra tay hại vua ấy, và nhân đó chiếm cứ ngay nước nhà, đó chẳng tốt lành ư?”. Người giòng họ Thích vâng nhận sự chỉ bày của vua Rồng, bèn đi sang dâng hiến lên vua nước Ô trượng na, vua ấy đích thân nâng bưng bông tơ đó. Người giòng họ Thích nắm lấy tay áo vua mà giết chết, các thị thần vệ binh huyên loạn nơi thêm cấp, người giòng họ Thích vung kiếm mà bảo rằng: “Trượng kiếm của ta đây là do Rồng thân hiền dâng, để giết kẻ phục sau, để chém kẻ bất thần”. Khi ấy mọi người đều lo sợ,

Thần Võ suy tôn người giòng họ Thích lên ngôi vị lớn. Từ đó men theo xử đoán mà lập chính sách, biểu dương người hiền tài, giúp đỡ kẻ khốn khó, thế rồi cất động chúng đông, chuẩn bị pháp giá liền đến nơi cung rồng mà báo đáp ân mạng, nghinh đón con gái rồng về nơi thành đô. Con gái rồng bởi nghiệp xưa trước chưa hết, quả báo dư thừa vẫn hiện còn, nên mỗi lúc xum họp riêng, trên đầu nổi lên chín đầu rồng. Người giòng họ Thích gồm sợ, chẳng biết đó là mưu đồ kế tính gì, bèn xét dò lúc con gái rồng ngủ yên, dùng dao bén cắt bỏ đó, con gái rồng kinh hãi tỉnh giấc nói rằng: “Đó chẳng phải lợi của con cái nối dõi, chẳng những mạng ta có ít tổn thương mà con cháu của ông sẽ phải khổ đau đau”. Nên chủng tộc nước đó thường có bệnh hoạn ấy, tuy chẳng liên miên chỉ một lúc phát động. Sau khi người giòng họ Thích đã qua đời, người con tiếp nối kế vị, đó là vua Ốt Đạt La Tê Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thượng Quân).

Sau khi vua Thượng Quân lên kế vị, người mẹ bị mù mắt, khi ấy đức Như Lai vừa nhiếp phục rồng A ba la trở về, từ giữa không trung đến trong cung đó. vua Thượng Quân vừa mới đi săn. Đức Như Lai nhân vì người mẹ đó lược giảng nói pháp yếu. Người mẹ đó gặp được Thánh giả, được nghe giáo pháp bèn được mắt sáng trở lại. Đức Như Lai bảo rằng: “Con của người là người cùng giòng họ với Ta, nay đang ở đâu?”. Người mẹ ấy đáp: “Lúc sáng sớm nó vừa đi săn, nay sắp trở về”. Đức Như Lai cùng đại chúng muốn cất bước ra đi. Người mẹ nói rằng: “Tôi nhờ phước đức gặp sinh và nuôi dưỡng con của giòng họ Thích. Đức Như Lai lại xót thương mà đến đây, con tôi sắp trở về, mong dừng ở giây lát chờ đợi”. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Người ấy là trong giòng tộc của Ta, có thể nghe chỉ giáo mà tin ngộ, chẳng cần phải gần gũi để răn dạy khiến phát tâm. Ta nay đi đây vậy. Sau khi con người trở về nên bảo cùng nó rằng: “Đức Như Lai rứ đây sang thành Câu Thi, ở giữa khoảng cây sa la mà nhập niết bàn, nên sang đó nhận phần mà tự cúng dường”. Nói xong, đức Như Lai cùng đại chúng bỗng vượt giữa hư không mà đi. vua Thượng Quân vừa mới đi săn, từ xa trông về thấy trong cung có ánh sáng rực rỡ, nghi là gặp phải nạn lửa, bèn bỏ cuộc đi săn mà trở về, mới thấy mẹ mình nất sáng lại, vua rất vui mừng mà hỏi rằng: “Sau khi con đi bao lâu thì có được điềm cảm tốt lành như vậy? Mà khiến mẹ hiền được sáng mắt lại như xưa”. Người mẹ ấy bảo rằng: “Sau khi con đi khỏi, đức Như Lai đến đây, mẹ nghe Phật giảng nói pháp mà được sáng mắt lại như vậy. Đức Như Lai từ đây sang đến thành Câu Thi khoảng giữa cây sa la sẽ nhập niết bàn, gọi bảo con nhanh đến đó để phân chia

lấy phần xá lợi”. Khi ấy, nghe nói như thế, vua Thượng Quân buồn khóc ngã quy, giây lâu mới tỉnh lại, bảo chuẩn bị xa giá vội đến giữa khoảng hai cây sa la, thì đức Phật đã nhập Niết bàn. Khi ấy các vị quốc vương xem thường vua Thượng Quân, cho đó là biên鄙, mà quý trọng xá lợi chẳng muốn phân chia cho. Lúc đó trời người đại chúng nói bày lại ý Phật, các vua nghe rồi, bèn trước cho trao cho vua Thượng Quân.

Từ thành Mãng yết ly theo hướng đông bắc, vượt qua núi qua hang đi ngược dòng lên sông Tín Độ, đường đi nguy hiểm, núi hang mịt mờ, hoặc phủ dây nhợ, hoặc kéo vòng sắt, cầu treo lửng lơ giữa hư không, cầu bay tạo dựng nguy hiểm, rui cọc, men bước ngợ ngác, đi hơn ngàn dặm đến sông Đạt lệ la, tức là đô thành xưa cũ của nước Ô tượng na, xứ đó sản sinh có lấm vàng ròng và uất kim hương. Bên trong sông Đạt lệ la có ngôi già lam lớn, bên cạnh có khắc chạm gỗ tôn tượng Bồ-tát Từ Thị, sắc màu vàng ròng chiếu sáng rực rỡ, linh giám ngầm thông cao hơn trăm thước, do A-la-hán Mạt địa để ca (xưa trước gọi là Mạt Điền Địa, tức lược gọi sai nhầm vậy) tạo dựng. A-la-hán dùng sức thần thông dẫn đưa các người thợ lên cung trời Đố Sử Đa (xưa trước gọi là Đâu-suất Đà, hoặc gọi là Đâu Thuật Tha tức là sai nhầm vậy) đến gần xem Diệu Tướng, sau ba lần lên xuống mới hoàn tất công việc. Từ khi có tôn tượng ấy, Phật pháp lưu truyền đến phương đông.

Từ đó theo hướng đông đi vượt qua đỉnh núi vượt qua hang cốc, ngược lên sông Tín Độ, qua cầu bay cầu treo hiểm hiểm hiểm, đi hơn 500 dặm đến nước Bát Lộ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

2 - BÁT LỘ LA.

Nước Bát Lộ La chu vi rộng hơn 4000 dặm, nằm giữa khoảng núi tuyết lớn, từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp, có lấm lúa tẻ, đậu. Đất đai sinh sản vàng bạc, nhờ lợi của vàng mà đất nước sử dụng giàu có. Thời tiết chỉ lạnh gắt, con người tánh khí mạnh mẽ, khinh bạc đối với nhân nghĩa, không nghe thấy có lễ tiết, thân hình dáng mạo thô xấu, vận mặc thuần áo lông vải sợi. Văn tự phần lớn đồng với Ấn Độ. Nói năng có phần khác so với các nước. Có vài trăm ngôi già lam, chừ tăng khoảng vài ngàn vị, học không chuyên tập, giới hạnh phần nhiều khuyết lạm. Từ đó trở lại thành Ô đạt ca hán trà, phía nam là sông Tín Độ, sông ấy rộng khoảng 3 - 4 dặm, xuôi dòng về phía tây nam, nước lẳng trong ngời ánh gương soi, lẳng cặn đục tràn đầy dòng. Rong độc thú dữ làm hang ổ ở trong, như có người mang theo vật quý báu, giống cây trái lạ cũng như xá lợi Phật vượt qua sông, thuyền bè phần nhiều

đều bị chìm đắm. Vượt qua sông đó tức đến nước Đất Xoa Thi La (thuộc Bắc Ấn Độ).

3 - NƯỚC ĐẤT XOA THỈ LA.

Nước Đất Xoa Thi La chu vi rộng hơn 2000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, các tù trưởng và những nhà giàu có nỗ lực đua tranh nhau. Giòng tộc vua chúa đã tuyệt dứt không người nối dõi. Ngày trước mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ca Tất Thí, gần đây lại phụ thuộc làm thuê mướn cho nước Ca Thấp Di La. Đất đai màu mỡ, lúa thóc lắm nhiều, sông suối nhiều, hoa quả tươi tốt, khí hậu hòa sướng, phong tục xem thường mạnh dữ, rất sùng kính Tam bảo. Các ngôi già lam tuy lắm nhiều mà đều hoang phí hư hoại rất lắm, chửi tăng hiếm thiếu, đều tập học theo giáo pháp đại thừa.

Từ thành lớn theo hướng tây bắc cách hơn 70 dặm có ao vua rồng Y La Bát Đất La chu vi rộng hơn trăm bộ. Nước trong ao đó lắng trong, hoa sen tạp sắc đồng tươi tốt dáng vẻ khác nhau. Rồng đó vốn là vị Bí Sô phá hoại cây Y La Bát Đất La ở thời đức Phật Ca Diếp Ba. Nên nay tại xứ đó cầu mưa cầu tạnh thủy đều cùng với các Sa-môn đồng đến nơi ao đó khảy móng tay ủy an han hỏi, tùy theo ước nguyện đều được thành quả.

Từ ao rồng ấy theo hướng đông nam đi hơn 30 dặm, vào giữa khoảng hai quả núi có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn trăm thước. Là nơi xưa kia đức Như Lai dự ghi trong tương lai lúc đức Từ Thị Thế Tôn xuất hiện ở nơi đời, tự nhiên có bốn kho tàng báu lớn, tức tại Thánh địa đó sẽ có một kho. Nghe các bậc lão thành nói rằng có lúc đất chuyển động các nước đều lay động, chung quanh kho tàng khoảng trăm bộ, không nơi nào chẳng lay động. Khi có kẻ ngu phu vọng phát khởi đào bới, đất bị chấn động, mọi người đều ngã té. Bên cạnh đó có ngôi già lam đã hư hoại rất lắm, từ lâu tuyệt hẳn không có chúng tăng.

Từ thành về hướng bắc cách khoảng 12 - 13 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, có lúc đến các ngày trai tảo phóng ánh sáng, hoa thần nhạc trời, từng có nghe thấy. Nghe các bậc lão thành nói là gần đây có người phụ nữ thân hình mắc phải bệnh cùi hủi rất dữ, trộm đến ngôi Tốt-đổ-ba đó mà tự trách mình, chí thành lễ sám, thấy nơi sân nhà có các phần uế, bèn vốc bỏ quét dọn, bôi thoa hương thơm, rải hoa, lại hái nhặt hoa sen xanh trải phủ nơi đất đó, mà bệnh độc dữ được trừ lạnh, hình mạo trở nên xinh đẹp. Từ thân tỏa ra mùi thơm hoa sen xanh

đồng phẳng phát. Đó là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát làm vị Đại quốc vương hiệu là Chiến Đạt La Bát Thích Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nguyệt Quang) với chí cầu đạo Bồ-đề nên cắt bỏ đầu mình để bố thí. Xả thí như thế trải qua cả ngàn đời.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba xả thí đầu ấy có ngôi Tăng-già lam, sân nhà hoang vắng, chúng tăng hiếm ít. Xưa kia, luận sư Kinh Bộ Câu Ma La La ở tại đó chế tác các bộ luận.

Tại phía tây bắc của Nam Sơn thuộc phía đông nam ngoài thành có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước là nơi thái tử Câu Lãng Noa con vua Vô Ưu bị mẹ ghẻ (kế mẫu) lừa dối mà móc mắt, do vua Vô Ưu tạo dựng, những người mù đến nguyện cầu, phần nhiều có được sáng mắt lại. Thái tử Câu Lãng Noa do chánh hậu sinh ra, nghi mạo đẹp xinh cao nhã, nhân từ sớm hiển trước. Sau khi chánh hậu qua đời, kế thất (vợ kế của vua Vô Ưu) quá dâm phóng túng ngu mờ, riêng cưỡng bức thái tử, thái tử đổ lệ khóc dẫn trách, lùì thân tạ tội. Kế mẫu thấy chống trái càng tăng thêm sự tức giận. Nhân lúc vua nhân rãnh kế thất thông dong nói rằng: “Phàm yếu lãnh của nước Đất Xoa Thỉ La, nếu chẳng phải con em thân gần thì ai là người có thể giao phó cho đó ư? Nay, thái tử nhân từ hiếu hạnh vang xa, thân hiền đều chiếu cố, vật nghị tại đây”. vua lắng nghe nói nhã duyệt mưu gian, bèn gọi thái tử đến mà dạy răn rằng: “Ta tiếp thừa có đồ rủ ban kế nghiệp, chỉ sợ rơi lạc mất, trên trái phụ đối với tiên vương. Áo đai của nước Đất Xoa Thỉ La, nay ta phải bảo con ra trấn nhậm nước ấy. Việc nước nhà rất lớn nặng, mà tình người quỷ quyết gian tạp. Con chớ vọng đến đi mà có khuyết trái có đồ giềng mối. Phàm như có vơi bảo, phải nghiệm xét ấn dấu răn ta. Ấn tại miệng của Ta, con chớ sai nhầm đó vậy!”. Khi ấy, thái tử vâng mạng đến trấn. Ngày tháng tuy đã ngậm lắng xa, mà kê thất càng tức giận, bèn dối phát ban chế thư, dùng đất bùn sắc đỏ phong ký, nhân hầu vua lúc ngủ say trộm lấy rằng làm Ấn, vội sai kẻ sứ mang sang, đem thư trách khiển ban trao. Phụ thần quỳ đọc mà trông nhìn mất mưu đồ. Thái tử hỏi rằng: “Cớ sao tỏ vẻ ưu buồn?”. Phụ thần đáp: “Đại vương có ban thư trách thái tử, móc bỏ hai mắt, xua đuổi đến núi hang, mặc tình hai vợ chồng tùy thời sống chết. Tuy có mạng lệnh này, nhưng còn chưa nên y cứ. Nay nên xin thành buộc mặt đợi tội”. Thái tử bảo rằng: “Cha mà bảo chết, dám từ chối ư? Răng ấn làm phong thư, thật chẳng sai nhầm vậy”. Rồi Thái tử bảo gã Chiên Trà La móc lấy hai mắt mình. Mắt đã bị móc, mất hẳn ánh sáng. Thái tử cùng vợ bèn làm kẻ xin ăn tự sống, lưu lạc triển chuyển dần đến đô thành phụ vương. Vợ thái tử nói rằng: “Đây là

thành vua. Than ôi! Đói lạnh thật khổ, xưa trước làm thái tử, nay làm kẻ ăn xin, mong được nghe biết, lại tỏ bày sự khiến trách xưa trước”. Khi ấy bèn mưu tính vào trong chuồng ngựa của vua, quá nửa đêm khóc đối mặt với gió trong lành, huyết kêu dài buồn ngâm, không hầu và trống hòa vang, vua ở nơi lầu cao nghe vọng tiếng nhã xướng ấy, ngôn từ rất buồn oán, lấy làm quái lạ mà hỏi rằng: “Tiếng ngâm ca và không hầu ấy tựa như là con ta, cố sao nay lại đến đây vậy?”. Liền hỏi trong chuồng ngựa ai là người ca huyết vậy. Bèn dẫn người mù ra đối trước Thánh chỉ. vua thấy thái tử, đành ngậm đau buồn mà hỏi rằng: “Ai hại thân con gặp phải họa hấn này. Thái tử mù mắt còn chẳng tự biết. Phàm đối với trăm dân lê thứ to lớn làm sao mà cứu xét? Trời ơi! Trời ơi! Đức đâu suy vậy?”. Thái tử buồn khóc lay tạ mà thưa rằng: “Thật là bất hiểu, phụ trái đối với trời. Ngày... tháng... năm... đó, bỗng nhiên phụng vâng từ chỉ, không do đâu để chối từ và cũng chẳng dám trốn trách nhiệm”. Trong tâm vua liền biết kế thất làm điều trái với pháp luật, không chỗ đáng phải cứu xét nữa, bèn xử hành hình. Bấy giờ tại già lam Bồ-đề Thọ, có A-la-hán Cù Sa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Diệu Âm) là vị chứng đắc tứ biện vô ngại, tam minh đầy đủ, vua bèn dẫn con (thái tử) mù đến bày tỏ sự việc, và cầu xin đủ lòng từ bi khiến thái tử được sáng mắt lại. Khi ấy A-la-hán Cù Sa nhận lời cầu thỉnh của vua rồi liền trong ngày đó tuyên bảo cùng mọi người trong nước ấy là: “Ngày mai tôi muốn giảng nói Diệu lý, mỗi người mang theo một đồ vật đến nghe pháp để đựng nước mắt khóc đổ”. Khi ấy mọi người khắp xa gần đều kéo tới, các hàng sĩ nữ đồng tụ hội. Bấy giờ A-la-hán Cù Sa giảng nói pháp 12 nhân duyên. Mọi người đến nghe pháp, không ai chẳng cảm khóc, bèn dùng đồ vật mang theo đó hứng đựng lệ đổ. Đến lúc giảng pháp đã xong, gồm thâu tất cả nước mắt của thính chúng đó đặt để trong mâm vàng, và A-la-hán Cù Sa tự phát thệ nguyện rằng: “Phàm tôi giảng nói chí lý của chư Phật. Lý nếu chẳng chân thật, giảng nói có sai nhầm, như thế thì thôi, còn như chẳng phải thế thì nguyện đem tất cả nước mắt này tẩy rửa mắt mù kia, mắt ấy sáng trở lại được thấy rõ như xưa cũ”. Nói lời ấy rồi, A-la-hán Cù Sa đem mâm nước mắt ấy tẩy rửa mắt thái tử, mắt thái tử bèn sáng lại. vua mới trách phạt vị phụ thần ấy, cật vấn các lieâu tá, hoặc có người bị trục xuất, hoặc phóng tha, hoặc đổi đời, hoặc xử tội chết, v.v... Các nhà giàu có trong thế tục dời đến ở trang bãi sa mạc thuộc phía đông bắc núi tuyết.

Từ đó theo hướng đông nam vượt qua các núi hang, đi hơn 700 dặm đến nước Tăng Ha Bồ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

4 - NƯỚC TĂNG HA BỔ LA.

Nước Tăng Ha Bồ La chu vi rộng khoảng 3500 - 3600 dặm, phía tây gần sông Tín Độ, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm, tựa núi y cứ trên đỉnh bên chắc cao vợi. Việc nông tuy làm tốn kém ít công mà đất đai cho lợi nhuận lắm nhiều. Khí hậu thuần lạnh, con người tánh tình cứng mạnh, tập tục mền chuộng khỏe mạnh, lại lắm nhiều quý quýệt. Nước đó không có quân trưởng, chủ vị, mọi việc làm đều phụ thuộc nước Ca Thấp Di La. Từ thành về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, trang tiết tuy có khuyết thiếu mà linh dị tương tục. Bên cạnh có một ngôi già lam trống rỗng chẳng có chúng tăng.

Từ thành theo hướng đông nam đi khoảng 40 - 50 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn 200 thước, ao hồ có cả 10 cái ánh ngời đeo quanh hai bên phải trái, khắc chạm đá làm bờ có lắm hình loại khác lạ. Nước xoáy dòng trong, lắng gạn vẫn đục trút bỏ, cá rồng thủy tộc làm hang huyệt ngậm bơi lặn, hoa sen bốn màu lan tràn giữa đầm trong. Trăm thứ cây trái lắm nhiều đồng tốt tươi khác sắc màu. Ao rừng giao ánh ngời bóng thật đáng rảo bước thưởng ngoạn. Bên cạnh đó có ngôi già lam, từ lâu không có chúng tăng sinh hoạt. Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba cách không xa, có nói của Bạch y ngoại đạo mà vị bốn sư của họ đã tỏ ngộ lý qua sự tìm cầu, giảng nói pháp lần đầu tiên, ngày nay hiện có phong ghi, bên cạnh có tạo dựng ngôi đền thờ trời. Đồ chúng đó tu hành khổ hạnh, đêm ngày tinh cần, chẳng chút ngưng nghỉ. Pháp do bốn sư họ giảng nói phần nhiều trộm lấy nghĩa trong kinh Phật, tùy loại mà thiết bày bài pháp, phỏng theo phép tắc nghi quỹ. Các vị lớn xưng gọi là Bí Sô, những người nhỏ gọi là Sa Di, oai nghi luật hạnh rất đồng như pháp chế của chúng tăng. Họ chỉ để lại một ít tóc lại thêm để lỏa hình, hoặc có vận mặc thì y phục sắc trắng là khác. Xét cứ theo dòng riêng đó thì hơi dưng phân khu. Tôn tượng thiên sư của họ phỏng trộm như tôn tượng đức Như Lai, chỉ y phục là sai biệt, còn tướng hảo không khác lạ.

Từ đó trở lại nước Đất Xoa Thỉ La về biên giới phía bắc vượt qua sông Tín Độ, theo hướng đông nam đi hơn 200 dặm, qua cửa đá lớn, là nơi xưa kia vương tử Ma-ha Tát Đỏa đến đó ném thân thí cho Ô Đề (hổ - cọp) đói ăn. Từ đó về hướng nam cách khoảng 140 - 150 bộ, có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá là nơi vương tử Ma-ha Tát Đỏa sợ thú đói không còn sức lực, nên vừa đến đó, bèn lấy cây tre khô tự đâm vào mình lấy máu cho thú liếm ăn, từ đó thú mới gặm ăn. Trong đó, đất đai

cho đến cây cỏ hơi mang sắc màu rắng đỏ, bởi do máu huyết nhuộm nhiễm vậy. Mọi người đi ngang qua đó như mang cỏ gai chích, chẳng kể là nghi hay tin, không ai chẳng buồn thảm. Về phía bắc của nơi vương tử Ma-ha Tát Đỏa xả thân đó có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, điêu khắc chế tác kỳ đặc, luôn có tỏa phóng ánh sáng. Có hàng trăm ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ và các khám đá bao bọc chung quanh đó ánh ngời cả cảnh vức. Những người bị bệnh tật đi nhiều quanh đó phần nhiều có được lành mạnh.

Phía đông ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá có ngôi già lam, chư tăng có hơn hai trăm vị đều tập học giáo pháp đại thừa. Nơi đó, hoa quả lắm nhiều tươi tốt, ao suối lắng trong như gương soi. Bên cạnh có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, là nơi xưa kia đức Như Lai đến đó giáo hóa quỷ Dục Xoa bạo ác, khiến chẳng ăn thịt.

Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 500 dặm đến nước Ô Thí Thi (thuộc Bắc Ấn Độ).

5 - NƯỚC Ô THÍ THI.

Nước Ô Thí Thi chu vi rộng hơn 2000 dặm, núi đồi liên tiếp, ruộng đồng men cặp. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 7 - 8 dặm. Không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều phụ thuộc nước Ca Thấp Di La. Đất đai thích nghi với lúa thóc, hiếm thiếu hoa quả, khí hậu ấm hòa hơi có sương tuyết. Phong tục không có lễ nghĩa, con người tánh tình cứng mạnh, phần nhiều làm các việc dối trá, không kính tin Phật pháp. Từ thành lớn về hướng tây nam cách khoảng 4 - 5 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Bên cạnh đó có ngôi già lam, chư tăng hiếm ít, mà đều tập học theo giáo pháp Đại thừa. Từ đó theo hướng đông nam leo lên núi dẫm trái hiểm nguy, vượt qua cầu sắt đi hơn ngàn dặm đến nước Ca Thấp Di La. (Xưa trước gọi là Kế Tân, tức sai nhầm, nước đó thuộc Bắc Ấn Độ).

6 - NƯỚC CA THẤP DI LA.

Nước Ca Thấp Di La chu vi rộng hơn 7000 dặm, bốn phía đều đeo mang theo núi, núi rất cao vợi, tuy có cửa đường mà lại hiểm trở nhỏ hẹp. Từ xưa các nước giặc địch lân cận không dám đến đánh chiếm. Đô thành lớn của nước đó về phía tây gần sông lớn, từ nam sang bắc rộng khoảng 20 - 30 dặm, từ đông sang tây dài khoảng 40 - 40 dặm. Đất đai thích nghi với thóc lúa, có lắm nhiều hoa quả, nơi sản sinh các giống Rồng, ngựa, và uất kim hương, hỏa châu, cỏ thuốc. Khí hậu lạnh cứng,

nhiều tuyết ít gió. Con người vận mặc vải sợi lông, y phục bằng bông tơ sắc trắng. Thế tục khinh lật, con người tánh tình nhúc nhác. Nước đó được Rồng hộ trì nên bèn hùng mạnh cảnh vực xung quanh. Con người dung mạo xinh đẹp, tánh tình đối trá, ham học nghe nhiều, tà chánh đều kính tin. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 5000 vị. Có bốn ngôi Tốt-đỏ-ba đều do vua Vô Ưu tạo lập, trong mỗi một ngôi đều có hơn một thăng xá lợi của đức Phật.

Theo “Quốc chí” nói: Đất của nước đó xưa kia vốn là ao rồng, khi đức Phật từ nước Ô trượng na nhiếp phục thần ác đã xong, muốn trở về lại nước Trung Ấn Độ, đang bay giữa hư không ngay trước trên nước đó, đức Phật bảo cùng tôn giả A-nan rằng: “Sau khi ta nhập Niết bàn, có A-la-hán Mạt Điền Đế sẽ đến xứ này lập nước an dân, hoàng dương Phật pháp”. Quả thật sau khi đức Phật nhập Niết bàn. Trong 10 thứ 5, có A-la-hán Mạt Điền Đế đệ tử của tôn giả A-nan là vụ chứng đắc sáu pháp thần thông, có đủ tám pháp giải thoát, nghe lại xưa trước đức Phật có huyền ký như thế, trong tâm tự vui mừng, bèn đến xứ đó ở trên đỉnh núi lớn an tọa trong rừng, hiện sức đại thần biến, rồng trông thấy bèn sinh kính tin sâu sắc, thỉnh cầu sẽ hỗ giúp điều ước muốn. A-la-hán Mạt Điền Đế vận sức thần thông nổi lớn thân, vua rồng tung sức rút nước, hết nước ao trống không, vua rồng bèn vọt cầu xin đất dung thân. A-la-hán Mạt Điền Đế mới về góc tây bắc, nơi đó lưu lại một ao nhỏ chu vi rộng hơn trăm dặm. Các chi thuộc của rồng đều riêng đến ở nơi ao nhỏ. vua rồng thưa rằng: “Đất ao xin nguyện cúng thí hết, và nguyện xin thường đến nhận sự cúng dường”. A-la-hán Mạt Điền Đế Ca nói rằng: “Tôi nay không bao lâu nữa sẽ nhập Vô dư Niết bàn, tuy muốn nhận sự thỉnh mời, như thế có được ư?”. Vua rồng lại cầu thỉnh: “Xin thỉnh 500 vị A-la-hán thường đến nhận sự cúng dường của con mãi đến lúc pháp hủy diệt hết. Sau khi giáo pháp hủy diệt hết, con sẽ trở lại lấy đất nước này để làm ao ở”. A-la-hán Mạt Điền Đế Ca đã có được chốn đất đó, bèn vận dụng sức thần thông lớn tạo lập 500 ngôi già lam. Đối với hạng nghèo hèn mua cháo ở các nước khác đều đưa về sung vào làm kẻ sai khiến để cung phụng chúng tăng. Đến sau khi A-la-hán Mạt Điền Đế Ca nhập Niết bàn, người nghèo hèn ở các nước ấy tự lập Quân trưởng. Các nước láng giềng bèn xem thường cho đó là người thuộc chủng tộc thấp hèn nên chẳng cùng thân thiện tương giao. Mà gọi đó là “Khất Lợi Đa” (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là “Mãi Đắc” (đổi mua được). Mãi đến thời nay thì mỗi nước đã có nhiều lạm phát.

Tại nước Ma-kiệt-đà, sau khi đức Như Lai diệt độ trong trăm năm

thứ nhất, có vua Vô Ưu xuất hiện trị vì, oai đức trùm xa khác tục, rất kính tin Tam bảo, mến thương vốn loài chúng sinh. bấy giờ có 500 vị tăng A-la-hán và 500 vị tăng phàm phu, vua đều tôn kính, cúng dường không riêng khác. Có vị tăng phàm phu tên là Ma-ha Đề Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Thiên) là người thông biết rộng nhiều trí, ngầm cầu danh thật, lắng suy tư soạn tác luận, lý trái với Thánh giáo, phàm mọi người thấy nghe đều có những điều bàn nghị khác nhau. vua Vô Ưu không biết phàm Thánh, điều tốt của đồng tình chỗ thân gần của Đảng viện, bèn vời gọi tất cả chúng tăng đến bờ sông Khắc già muốn cho chìm sâu dưới dòng sông giết chết tất cả. Khi ấy các vị A-la-hán gặp nạn bức đoạn mạng đều vận dụng sức thần thông bay vọt giữa không trung mà đến nước đó ẩn nấu nơi núi hang. Khi ấy vua Vô Ưu nghe mà kinh sợ đích thân đến sám tạ lỗi quá thình cầu trở về lại nước cũ (tức Ma-kiệt-đà). Các vị A-la-hán ấy xác thức không theo lời vua. vua Vô Ưu mới về các vị A-la-hán tạo dựng 500 ngôi già lam, đem hết của cải nước đó mà cúng thí chư tăng.

Sau khi đức Như Lai diệt độ trong trăm năm thứ tư, tại nước Kiện Đà La có vua Ca Nị Sắc Ca ứng thời vô vận, oai phong của vua trùm xa, mọi người khác sắc tộc bên trong đều nường nhờ. Những lúc công việc nước nhà rảnh rỗi, vua thường tập học kinh Phật. Mỗi ngày thỉnh một vị tăng vào trong cung để giảng nói pháp. Mà các lời bàn nghị khác nhau, bộ chấp chẳng đồng. vua sinh tâm nghi ngờ sâu xa, không làm sao để dứt trừ lằm hoặc. Khi ấy có Hiếp tôn giả bảo rằng: “Đức Như Lai đã nhập Niết bàn thời gian lâu dài. Đệ tử theo bộ chấp, thầy trò bàn luận khác nhau, mỗi tự y cứ sự thấy nghe của riêng mình, cùng làm mâu thuẫn lẫn nhau”. Bấy giờ, vua nghe vậy rồi bèn rất cảm thương, buồn than giây lâu mới nói cùng Hiếp tôn giả rằng: “Tạp nhập phước thừa, bèn tuân theo giềng mối trước. Cách Thánh tuy lâu xa mà còn có may, dám quên lạng hèn xấu tiếp nối làm ngời sáng giáo pháp, tùy theo từng bộ chấp đều nên giải thích đầy đủ về Tam Tạng”. Hiếp tôn giả bảo rằng: “Đại vương xưa trước gieo trồng gốc lành, lằm nhờ phước giúp đỡ, lưu tình đối với Phật pháp đó là điều ước nguyện vậy”. vua mới tuyên lệnh chiêu tập tất cả các bậc Thánh triết ở khắp xa gần. Khi ấy khắp bốn phương đồng kéo đến, xa muôn dặm đều vội vàng. Các bậc anh hiền đồng nhóm tụ, duệ Thánh đều vân tập, suốt trong bảy ngày cúng dường tứ sự. Đã muốn luận bàn về giáo pháp lại còn lo sợ trong đó huyền tạp, vua mới đem cả nỗi lòng thưa cùng chúng tăng rằng: “Những vị nào đã chứng đắc Thánh quả thì ở lại. Vị nào còn các thứ buộc ràng thì trở về”. Như vậy

mà đại chúng vẫn đông nhiều. vua lại tuyên lệnh “Những ai đã chứng đắc vô học thì ở lại, còn hàng hữu học thì trở về, nhưng chúng vẫn đông nhiều. vua lại hạ lệnh: “Ai đã chứng đắc Tam minh, đầy đủ lục thông thì ở lại, ngoài ra mỗi tự trở về”. Tăng chúng vẫn còn đông nhiều. vua lại hạ lệnh: “Những ai bên trong đã suốt cùng Tam tạng, bên ngoài đã thông rành ngũ kinh thì ở lại, ngoài ra mỗi tự lui về”. Khi ấy còn được 499 vị. vua muốn thực hiện tại nước nhà (Kiện Đà La) nhưng vì khổ bởi nắng nóng và ẩm thấp, lại muốn đến nơi thạch thất xưa trước kia tôn giả Đại Ca Diếp kết tập kinh điển tại thành Vương Xá. Hiếp tôn giả, v.v..., cùng bàn nghị rằng: Không thể được, tại xứ đó lắm nhiều ngoại đạo dị luận rối ren, không rảnh để đối đáp, công đâu mà trước thật luận. Tâm của chúng hội chú ý đến nước đó. Tại nước đó (Ca Thấp Di La) bốn phía đều là núi bao bọc kiên cố, có thần Dược Xoa thủ hộ gìn giữ, đất đai phì nhiêu, các sản vật lắm nhiều. Nơi các bậc hiền Thánh nhóm tập cùng ở, nơi các tiên linh đến dừng nghỉ. Chúng bàn nghị tại đó, mọi người nói thật đáng hòa hợp. Khi ấy vua Vô Ưu cùng các vị A-la-hán từ nước Kiện Đà La sang đến nước Ca Thấp Di La tạo dựng già lam, kết tập tam tạng Thánh giáo, muốn chế tác luận Tỳ-bà-sa. Khi ấy, tôn giả Thế Hữu ở ngoài phòng nhà dâng nạp áo. Các vị A-la-hán bảo cùng tôn giả Thế Hữu rằng: “hàng kết sử chưa dứt trừ, tranh luận sai lầm. Ông nên tránh vết xe đổ ở nơi đây”. Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Chư vị Hiền giả đối với giáo pháp không sinh nghi ngờ, thay thế đức Phật thiết thi hành hóa, mới nhóm kết đại nghĩa, muốn chế tác chính luận. Tôi tuy chẳng thông mãn, song thô sơ thấu đạt lời huyền diệu. Đối với Huyền văn trong Tam tạng, chỉ lý của ngũ minh, cũng có phần nghiên tầm và thấu đạt chỉ thú ấy vậy”. Các vị A-la-hán bảo rằng: “Nói không thể là như vậy, ông nên lắng ở để chóng chứng vô học. Xong rồi vào dự hội đây, khi ấy cũng chưa muộn vậy”. Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Tôi trông xem quả vị vô học còn như là đằm dãi, chỉ mong cầu Phật quả chớ hưởng theo con đường nhỏ hẹp. Ném cuộn chỉ này chưa rơi tới đất, hẳn đã chứng đắc quả Thánh vô học”. Khi ấy các vị A-la-hán cùng nhau quở trách rằng: “Người tăng thượng mạn mới cho là như vậy, với quả vị vô học, chư Phật đều tán thán. Ông phải nên mau chứng để quyết dứt lòng nghi của đại chúng”. Khi ấy tôn giả Thế Hữu liền ném cuộn chỉ lên giữa không trung. Các trời tiếp nhận lấy cuộn chỉ mà cầu thỉnh rằng: “Đức Thích-ca Như Lai vừa mới chứng Phật quả, tiếp đến bổ xứ đức Từ Thị Thế Tôn, khắp cả ba cõi đều đặc biệt xưng tụng. Cả bốn loài chúng sinh thấy đội nhờ. Cớ sao nay đây lại muốn chứng đắc tiểu quả?”. Khi

đó, các vị A-la-hán trông thấy sự việc ấy rồi, bèn sám tạ lỗi quấy, sùng kính đức hạnh thỉnh mời làm thượng tòa. Phàm có những điểm bàn nghị nghi ngờ thầy đều được giải quyết. 500 vị A-la-hán ấy trước đã tạo 10 vạn bài tụng luận Ô Ba Đề Thước (xưa trước gọi là luận Ô Ba Đề Xá tức sai nhầm vậy). Giải thích Tố Đát Lâm Tạng (xưa trước gọi là tạng Tu Đa-la tức sai nhầm vậy). Tiếp theo tạo 10 bài tụng luận Tỳ-nại-da Tỳ-bà-sa giải thích tạng Tỳ-nại-da (xưa trước gọi là Tạng Tỳ na da tức là sai nhầm vậy). Sau đó lại tạo 10 vạn bài tụng luận A-tỳ-đạt-ma Tỳ-bà-sa giải thích tạng A-tỳ-đạt-ma (hoặc còn gọi là Tạng A-tỳ-đàm là lược gọi vậy). Phàm có cả thầy 30 vạn bài tụng 960 vạn lời, đầy đủ giải thích về tam tạng Thánh giáo, cao suốt cả ngàn xưa, không gì chẳng tận cùng cành lá, rớt ráo mọi cạn sâu. Đại nghĩa sáng lại, lời huyền trải bày, rộng hồng tuyên lưu bố, các hàng hậu tiến rất được đội nhờ vậy. vua Ca Nị Sắc Ca bèn bảo dùng đồng đỏ làm lá, khắc tả luận văn, dùng hộp đá để tôn trí mà phong bít rồi tạo lập Tố-đổ-ba mà cất chứa bên trong. Bảo các thần Dược Xoa vây quanh gìn giữ đất nước đó, không cho các hàng dị học mang các luận đó ra ngoài. Như người muốn tìm cầu học hỏi thì vào trong đó mà tập học. Đến lúc công việc đã hoàn tất, vua bèn rút quân trở về lại đô cũ. Ra khỏi ngoài cửa phía tây nước đó, xoay mặt về hướng đông mà lạy. vua lại đem đất nước đó cúng thí cho chư tăng.

Sau khi vua Ca Nị Sắc Ca băng hà, chủng tộc Ngật Lợi Đa trở về lại tự xưng vương, bài xích ruồng đui chúng tăng, phá hủy Phật pháp. Tại nước Đổ Hóa La có vua Hý Ma Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tuyết Sơn Hạ), tiên tổ vốn giòng họ Thích, vua ra đời trong khoảng trăm năm thứ sáu sau khi đức Như Lai diệt độ. Tiên tổ của vua có biên cương đất nước, nối tiếp cơ nghiệp làm vua, trồng tâm nói đất Phật, đặc tình trong bến pháp. Nghe vua Ngật Lợi Đa hủy diệt Phật pháp, bèn chiêu tập các bậc tài sĩ dũng cảm ở đó trong nước có được 3000 người, đối bày làm thương buôn mang theo nhiều của báu hàng hóa, cấp giấu binh khí mũi nhọn dao bén, đến vào nước đó (Ca Thấp Di La), vua nước đó đặc biệt rất trọng đãi khách vô cùng hậu lễ. Trong số các thương buôn ấy lại chọn tuyển 500 người khỏe mạnh lắm mưu, mỗi tự cất giấu mũi nhọn dao bén trong tay áo, cùng mang theo các vật báu nặng, đích thân mang đến dâng hiến lên vua. Khi ấy vua Tuyết Sơn Hạ cất bỏ khăn quần đầu mà ngồi, vua Ngật Lợi Đa kinh sợ không thi thố. vua Tuyết Sơn Hạ bèn chém đầu Ngật Lợi Đa và bảo cùng quần hạ rằng: “Ta là vua Tuyết Sơn Hạ ở nước Đổ Hóa La tức giận giòng giống hèn mọn các ông làm điều trái ngược chính sách, nên nay đến nay để

giết kẻ có tội”. Phàm trăm chúng dân thứ chẳng có tội ấy, nhưng các hàng quốc phụ tể thần nước đó đều chuyển đời đến ở cảnh vực khác. Khi đã bình trị được đất nước đó, vua Tuyết Sơn Hạ lại thỉnh mời nhóm tập chúng tăng, kính lễ tạo lập các ngôi già lam, an đặt như xưa cũ. Vua là đến ngoài cửa phía tây của nước đó, xoay mặt về hướng đông quỳ lạy dâng cúng chúng tăng.

Chủng tộc Ngật Lợi Đa ấy đã từng bị chúng tăng lập diệt tông tự, nên đời đời tích chứa nỗi niềm oán hận ấy nên ghét ganh Phật pháp. Năm tháng tuy đã cách dài xa, mà lại tự xưng vương, nên nay tại đất nước đó chẳng kham tôn sùng kính tin. Đối với đền thờ trời, ngoại đạo, thì lại đặc biệt lưu ý.

Từ thành mới, theo hướng đông nam đi hơn 10 dặm đến phía nam núi lớn thuộc phía bắc thành cũ, có một ngôi Tăng-già lam, chư tăng có hơn 300 vị. Ở đó, bên trong ngôi Tốt-đổ-ba có chiếc răng cưa đức Phật dài lớn tác rươi, sắc màu vàng trắng, đến những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Xưa kia, khi chủng tộc Ngật Lợi Đa phá diệt Phật pháp, chư tăng giải tán, mỗi tự tìm nơi thuận lợi để ở. Có một vị Sa-môn vân du đến nước Ấn Độ, chiêm ngưỡng lễ bái Thánh tích tỏ bày chí thành. Về sau nghe ở nước nhà đã được bình trị, liền muốn trở về, đang đi giữa đường gặp một đàn voi hoành hành nơi đầm cỏ, chạy rảo gầm rống. Sa-môn thấy vậy bèn leo lên cây để trốn lánh. Khi ấy đàn voi cùng nhau chạy tìm hút nước ao hồ đến phun xối gốc cây, cùng nhau lay lắc, gốc cây bèn ngã đổ. Đã bắt gặp được vị Sa-môn ấy, đàn voi mang chở mà đi đến trong rừng lớn nơi có con voi đang mắc bệnh đau đớn mà nằm. Đàn voi dẫn đưa tay vị Sa-môn ấy nói chỗ vết thương đau thì đó là một cây tre khô đâm chích vào, Sa-môn ấy bèn nhổ tre khô ra rồi rắc thuốc, xé xiêm y trong chân để bó buộc lại. Riêng có một con voi lớn khác mang một hộp vàng trao cho con voi bệnh. Con voi bệnh nhận lấy rồi chuyển trao dâng cúng vị Sa-môn ấy. Vị Sa-môn ấy mở hộp ra trông xem, thì trong hộp là chiếc răng của đức Phật. Các con voi khác lại bao bọc chung quanh. Vị Sa-môn ấy không do đâu mà thoát ra khỏi. Đến sáng hôm sau vào giờ thọ trai, mỗi con voi tự mang lại trái cây khác lạ dâng cúng dùng bữa trưa. Sau khi dùng xong đàn voi lại chở đưa vị Sa-môn ấy ra khỏi rừng cách ngoài vài trăm dặm mới đặt để xuống, và mỗi con tự quỳ bái lạy rồi bỏ đi. Vị Sa-môn ấy đến biên giới phía tây của nước đó, vượt thuyền qua một con sông, vừa đến giữa dòng, thuyền sắp muốn đắm chìm. Mọi người đi chung thuyền cùng cho rằng: “Nay tai họa thuyền này muốn đắm chìm là do vị Sa-môn này. Vị Sa-môn này

hắn có xá lợi của đức Như Lai, nên các rồng ham thích lấy lợi đó”. Vị chủ thuyền liền kiểm xét, quả nhiên có chiếc răng của đức Phật. Khi đó, vị Sa-môn ấy nâng răng Phật trao cho và nói cùng rồng rằng: “Nay tôi giao gửi người, không bao lâu nữa sẽ trở lại lấy”. Và bèn chằng qua sông mà xoay ngược thuyền lại để đi, trông nhìn lại dòng sông mà than rằng: “Tôi không có cấm thuật, nên loài rồng khinh dễ!”. Vị Sa-môn ấy sang lại nước Ấn Độ học pháp cấm ngăn rồng. Sau ba năm trở về lại nước nhà, đến bên bờ sông ấy, thiết lập đàn tràng, và rồng ấy bèn bưng dâng hộp răng đức Phật trao lại vị Sa-môn ấy. Vị Sa-môn ấy mang về trong ngôi già lam đó mà thiết tu cúng dường.

Từ ngôi già lam đó theo hướng nam đi khoảng 14 - 15 dặm, có một ngôi già lam nhỏ, bên trong có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng. Như có người bỏ ăn, lấy sự chết làm kỳ hạn, nguyện được thấy Bồ-tát, tức từ trong tôn tượng xuất hiện ra thân tướng vi diệu.

Từ ngôi già lam nhỏ ấy theo hướng đông nam đi hơn 30 dặm đến núi lớn, có ngôi già lam xưa cũ, hình dáng tạo dựng rất rộng lớn hùng tráng nhưng đều đã hư hoại rất lắm, nay chỉ còn nơi một góc xây dựng một trùng các nhỏ, chừ tăng có hơn 30 vị đều học theo giáo pháp Đại thừa. Xưa kia, luận sư Tăng-già Bạt Đà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Chúng Hiền) ở tại đó chế tác luận “Thuận Chánh lý”. Hai bên ngôi già lam đó có các ngôi Tốt-đổ-ba. Xá lợi của các vị A-la-hán đều tôn thờ tại đó. Thú hoang vượn núi hái trái dâng cúng, quanh năm không lúc nào ngừng nghỉ như vâng thừa chỉ mạng. Và trong núi đó có lắm linh tích, hoặc là vách đá phân chỉ ngang, hoặc là trên đỉnh núi lưu lại dấu vết chân ngựa. Các loại như thế tướng trạng rất kỳ quái, đều là những vị A-la-hán sa di từng đoàn đùa vui, đưa tay lua chỉ họa vẽ cưỡi ngựa qua lại. Những di tích như thế, khó thể thuật rõ.

Từ ngôi già lam tôn thờ răng đức Phật theo hướng đông đi hơn 10 dặm, giữa sườn núi phía bắc có một ngôi già lam nhỏ, là nơi xưa kia Đại luận sư Sách Kiến Địa La ở tại đó chế tác luận “Chúng Phân Sự Tỳ-bà-sa”.

Trong ngôi già lam nhỏ có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn 50 thước, là nơi tôn thờ xá lợi di thân của vị A-la-hán. Xưa trước có vị A-la-hán thân hình rất to lớn. Vị đó uống ăn nhiều ngang đồng như voi. Người thời bấy giờ dèm pha rằng: “Chỉ biết ăn no, sao biết được mọi sự phải quấy”. Đến lúc sắp nhập tịch diệt, vị A-la-hán ấy bảo cùng mọi người rằng: “Nay tôi còn không bao lâu nữa sẽ nhập vô dư niết bàn, nên muốn giảng nói Diệu Pháp của tự thân tôi đã chứng đắc”. Mọi người

nghe thế lại cùng nhau dèm pha cười rộ. Nhưng cũng đều nhóm tập để trông xem thử sự được mất thế nào. Khi đó, vị A-la-hán ấy bảo cùng mọi người rằng: “Nay tôi vì các ông mà nói về nhân duyên của bản thân mình. Nhân đời trước tôi chịu quả báo làm thân voi ở trong chuồng nuôi của vua tại Đông Ấn Độ. Khi ấy tại nước đó có một vị Sa-môn đi xa đến Ấn Độ tìm cầu phỏng học Thánh giáo thỉnh cầu các kinh luật luận. vua đó bèn đem tôi trao cho vị Sa-môn ấy chở mang kinh Phật mà đến nơi này. Sau đó không lâu bèn mạng chung, nhờ phước lực chuyên chở kinh nên tôi bèn được làm thân người này đây, lại tiếp nối các điều tốt lành khác nên sớm dự phần xuất gia, chuyên cầu xuất ly, chẳng tạm ngưng nghỉ, nên đã chứng đắc sáu pháp thần thông, đoạn trừ dục trong tam giới. Nhưng sự ăn uống của tôi là bởi tập khí dư thừa hiện còn. Tôi thường tiết chế tự thân, trong ba phần chỉ ăn một phần”. Tuy nói như vậy nhưng mọi người còn chưa tin. Vị A-la-hán ấy bèn bay bổng giữa hư không, nhập định hỏa quang tự thân tỏa phóng khói lửa mà nhập tịch diệt. Di cốt còn lại rơi xuống, nên xây dựng Tốt-đổ-ba phụng thờ như thế.

Từ Vương thành theo hướng tây bắc đi hơn 200 dặm đến ngôi già lam tên là Thương Lâm, xưa trước, Luận sư Bồ Thứ Noa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Viên Mãn) ở tạo đó chế tác luận “Thích Tỳ-bà-sa”. Từ Vương thành theo hướng tây đi khoảng 140 - 150 dặm, đến phía bắc sông lớn, tiếp men phía nam sườn núi đến ngôi già lam tên là Đại chúng bộ, xưa kia luận sư Phật Địa La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giác Thủ) ở tại đó chế tác luận “Đại chúng bộ tập chân”.

Từ đó theo hướng tây nam, vượt qua núi băng hiểm nguy đi hơn 700 dặm đến nước Bán Nô Ta (thuộc Bắc Ấn Độ).

7 - NƯỚC BÁN NÔ TA.

Nước Bán Nô Ta chu vi rộng hơn 2000 dặm, núi sông nhiều, đồng ruộng gò đồi hẹp nhỏ, lúa thóc gieo trồng theo mùa vụ, hoa quả lắm nhiều tươi tốt. Có nhiều cam giá, không có bồ đào, cây quả Am Một La, quả Ô đàm bạt la mậu già, v.v... Mọi nhà đều trồng rừng, rất quý mùi vị ấy. Khí hậu xứ đó ấm nóng, phong tục dõng mạnh, xiêm y chế tác, phần nhiều vận mặc y phục vải bố bông tơ. Con người tánh khí chất trực, thuần tin Tam bảo. Có năm ngôi già lam, phần nhiều đều là hoang tàn đổ nát, không có Quân trưởng lớn. Mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ca Thấp Di La. phía bắc của thành có ngôi già lam nhỏ có chư tăng ở.

Phía bắc ngôi già lam ấy có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá thật lắm nhiều linh dị. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Át La Xà Bồ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

8 - NƯỚC ÁT LA XÀ BỒ LA.

Nước Át La Xà Bồ La chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Địa thế rất hiểm trở bên biển, có lắm núi đồi, sông gò hiểm hẹp, vật lợi từ đất không nhiều. Đất đai thích nghi và khí hậu đồng như ở nước Báu Nô Ta. Phong tục rất mạnh dũ, con người tính khí hùng dũng. Nước đó không có Quân trưởng, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ca Thấp Di La. Có 10 ngôi già lam, chư tăng rất hiếm thiếu. Có một ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Từ nước Lạ Ba đến nước đó, con người vóc hình dung mạo thô xấu, tánh tình mạnh dũ. Ngôn ngữ hẹp hèn thô bỉ, lễ nghĩa khinh nhạt. Chẳng phải cảnh vực chánh của Ấn Độ, đó mới chỉ là tập tục quanh co của vùng ven biên địa vậy.

Từ đó, theo hướng đông nam xuống núi vượt qua sông, đi hơn 700 dặm đến nước Trách Va (thuộc Bắc Ấn Độ).

